



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2019 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                            |          |  |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh       | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019                               |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019                                   |
| • Ông Ngô Anh Phương       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019                                   |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019                                   |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà      | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019                               |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm         | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2019     |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                           |            |  |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019                                   |
| • Ông Phan Xuân Phương    | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo   | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019                               |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019                                   |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |

### ***Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                            |                |  |
|----------------------------|----------------|--|
| • Ông Từ Thanh Phụng       | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 26/03/2019                               |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt     | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 12/10/2016<br>Miễn nhiệm ngày 26/03/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014                               |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014                           |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Từ Thanh Phụng**

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 927/2019/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập ngày 06/08/2019 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2019**

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>108.654.484.355</b>	<b>78.981.003.573</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>14.082.554.409</b>	<b>26.368.087.434</b>
1. Tiền	111		4.942.701.049	7.940.071.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.139.853.360	18.428.016.124
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.574.854.817</b>	<b>5.185.530.423</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.531.249.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(511.688.275)	(345.718.669)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	12.600.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.594.866.308</b>	<b>25.965.169.223</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	38.201.629.770	22.883.086.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	6.592.482.916	4.205.371.337
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.066.901.108	1.107.783.145
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.266.147.486)	(2.231.072.176)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>33.192.919.146</b>	<b>21.305.783.799</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.811.255.489	23.818.544.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.618.336.343)	(2.512.760.715)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>209.289.675</b>	<b>156.432.694</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	43.357.155	53.642.842
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	165.932.520	102.789.852
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>22.732.683.803</b>	<b>23.554.087.977</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.285.723.976</b>	<b>13.445.270.258</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	6.817.567.104	6.977.113.386
- Nguyên giá	222		15.414.657.809	15.213.045.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.597.090.705)	(8.235.931.696)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(77.700.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>287.846.100</b>	<b>287.846.100</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	287.846.100	287.846.100
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.681.515.076</b>	<b>1.780.085.001</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(318.484.924)	(219.914.999)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.477.598.651</b>	<b>8.040.886.618</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	6.601.846.541	7.099.197.828
2. Lợi thế thương mại	269		875.752.110	941.688.790
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>131.387.168.158</b>	<b>102.535.091.550</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>65.820.564.429</b>	<b>33.365.254.545</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.326.064.429</b>	<b>32.870.754.545</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	30.644.428.790	17.872.358.569
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	2.348.569.029	4.941.511.432
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	14	323.386.481	460.809.739
4. Phải trả người lao động	314		5.984.523.183	5.080.220.667
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.323.632.397	4.084.162.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	20.242.136.107	559.273.036
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	3.698.359.000	112.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(238.970.558)	(240.081.762)
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>494.500.000</b>	<b>494.500.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	472.000.000	472.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	22.500.000	22.500.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.566.603.729</b>	<b>69.169.837.005</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>65.566.603.729</b>	<b>69.169.837.005</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.231.928.660	2.231.928.660
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.265.011.670	5.215.707.299
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	6.996.451.229	10.427.061.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.497.820.839	5.240.417.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.498.630.390	5.186.643.553
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		10.383.086.074	10.605.013.697
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>131.387.168.158</b>	<b>102.535.091.550</b>



**Từ Thanh Phụng**

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Người lập biểu**

**Đỗ Thị Ngọc Hà**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	85.039.140.159	85.453.359.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	964.892.537	1.113.098.055
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		84.074.247.622	84.340.261.407
4. Giá vốn hàng bán	11	26	71.615.488.367	71.340.467.039
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12.458.759.255</b>	<b>12.999.794.368</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	765.336.170	694.255.433
7. Chi phí tài chính	22	28	329.135.147	799.883.247
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		64.595.616	76.427.139
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	5.476.962.605	5.381.270.134
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	5.025.268.175	4.876.408.267
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.392.729.498</b>	<b>2.636.488.153</b>
12. Thu nhập khác	31		68.756.327	47.308.671
13. Chi phí khác	32	30	78.993.946	65.672.351
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(10.237.619)</b>	<b>(18.363.680)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.382.491.879</b>	<b>2.618.124.473</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	309.830.010	526.927.980
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.072.661.869</b>	<b>2.091.196.493</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		1.498.630.390	1.716.203.728
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		574.031.479	374.992.765
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	371	417
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	371	417



**Từ Thanh Phụng**  
Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Người lập biểu**

**Đỗ Thị Ngọc Hà**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.382.491.879	2.618.124.473
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	490.056.185	484.705.000
- Các khoản dự phòng	03	405.190.469	415.083.046
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(756.139.370)	(447.307.773)
- Chi phí lãi vay	06	64.595.616	76.427.139
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	2.586.194.779	3.147.031.885
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.410.673.402)	(27.763.340.583)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.992.710.975)	(15.250.985.195)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.531.916.923	32.784.077.490
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	507.636.974	472.563.696
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	44.706.000	3.198.901.871
- Tiền lãi vay đã trả	14	(65.579.992)	(76.427.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(383.484.064)	(409.718.241)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50.980.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>1.767.026.243</b>	<b>(3.897.896.216)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(201.612.727)	(540.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.300.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	12.700.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	786.360.808	516.516.357
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(12.015.251.919)</b>	<b>1.015.976.357</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(1.407.440.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	13.531.927.000	9.387.316.618
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.946.068.000)	(5.745.316.618)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.623.166.349)	(4.787.620.762)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(2.037.307.349)</b>	<b>(2.553.060.762)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(12.285.533.025)</b>	<b>(5.434.980.621)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>26.368.087.434</b>	<b>24.154.060.855</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>14.082.554.409</b>	<b>18.719.080.234</b>



**Từ Thanh Phụng**  
Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Lan Phương**

Người lập biểu

**Đỗ Thị Ngọc Hà**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,77%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

#### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Đối với lĩnh vực xuất bản: áp dụng thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	614.671.430	500.744.197
Tiền gửi ngân hàng	4.328.029.619	7.439.327.113
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	9.139.853.360	18.428.016.124
<b>Cộng</b>	<b>14.082.554.409</b>	<b>26.368.087.434</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	6.096.711.400	511.688.275	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669
+ Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	3.296.820.000	-	3.044.031.947	4.467.430.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	86.000	9.578	95.578	103.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	1.172.340.000	-	303.271.470	905.580.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	17.100.000	19.265.340	36.365.340	18.900.000	17.465.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	797.160.000	195.701.234	992.861.234	797.160.000	195.701.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	674.885.400	279.391.875	954.277.275	825.931.180	128.346.095
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	138.320.000	17.320.248	155.640.248	172.900.000	-
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	-	44.706.000	40.500.000	4.206.000
<b>Cộng</b>	<b>5.486.543.092</b>	<b>6.096.711.400</b>	<b>511.688.275</b>	<b>5.531.249.092</b>	<b>7.228.504.180</b>	<b>345.718.669</b>

#### Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	3.000	44.706.000
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	3.000	44.706.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>	<b>44.706.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	30/06/2019		01/01/2019				
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
Đầu tư vào đơn vị khác				2.000.000.000	318.484.924	2.000.000.000	(219.914.999)			
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	318.484.924	1,84%	1,84%	2.000.000.000	(219.914.999)
<b>Cộng</b>				<b>2.000.000.000</b>	<b>318.484.924</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>(219.914.999)</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	12.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.600.000.000</b>	<b>-</b>

### 8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	-	1.215.000.000
Nhà sách Hoàng Sơn	4.619.848.870	-
Đại lý Minh Thị	1.974.114.318	-
Công ty TNHH MTV Sách và TB Trường học Đăk Nông	2.439.444.960	3.092.531.960
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	333.234.900	103.582.948
Công ty CP Phát hành sách TPHCM - Fahasa	3.310.895.686	1.118.718.086
Các đối tượng khác	25.524.091.036	17.353.253.923
<b>Cộng</b>	<b>38.201.629.770</b>	<b>22.883.086.917</b>

*Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

Công ty liên quan	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	8.028.121	28.603.301
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	51.879.313
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	208.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	-	151.537.229
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	105.498.480	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	333.234.900	103.582.948
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	50.863.360	77.395.592
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	299.749.758
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Trà Vinh	36.746.170	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.030.000	-
<b>Cộng</b>	<b>551.609.031</b>	<b>712.748.141</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách TPHCM - Fahasa	-	1.093.883.915
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Đại Trường Phát	2.573.710.500	-
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	2.361.445.903	2.735.564.106
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông CN Giáo dục (Bên liên quan)	970.083.060	-
Các đối tượng khác	687.243.453	375.923.316
<b>Cộng</b>	<b>6.592.482.916</b>	<b>4.205.371.337</b>

### 10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	4.639.117	-	34.860.555	-
Tạm ứng	696.560.216	-	628.583.065	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	334.782.335	-	413.420.085	-
Phải thu khác	30.919.440	29.000.000	30.919.440	29.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.066.901.108</b>	<b>29.000.000</b>	<b>1.107.783.145</b>	<b>29.000.000</b>

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	860.405.208	2.134.667.173
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.310.080.000	42.122.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	37.115.918	44.489.578
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	58.546.360	9.793.425
<b>Cộng</b>	<b>2.266.147.486</b>	<b>2.231.072.176</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	201.384.815	-
Nguyên liệu, vật liệu	408.709.995	-	30.216.139	-
Chi phí SX, KD dở dang	687.937.528	-	1.163.246.162	-
Thành phẩm	11.842.935.548	2.618.336.343	9.022.011.251	2.432.647.426
Hàng hóa	22.871.672.418	-	13.401.686.147	80.113.289
<b>Cộng</b>	<b>35.811.255.489</b>	<b>2.618.336.343</b>	<b>23.818.544.514</b>	<b>2.512.760.715</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2019 là 4.563.272.835 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2019.

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	14.961.512	15.292.873
Chi phí sửa chữa cửa hàng	4.464.134	10.567.085
Chi phí sửa chữa	1.844.741	5.149.345
Chi phí bảo hiểm	22.086.768	22.633.539
<b>Cộng</b>	<b>43.357.155</b>	<b>53.642.842</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.186.506	38.492.180
Chi phí tổ chức bán thảo	299.070.256	686.553.493
Chi phí thi công sửa chữa	145.261.872	145.338.564
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	6.107.168.312	6.170.128.808
Chi phí sửa chữa	39.159.595	58.684.783
<b>Cộng</b>	<b>6.601.846.541</b>	<b>7.099.197.828</b>

(\*) Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018 về việc thuê 611,2 m<sup>2</sup> đất ở thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	102.789.852	155.142.617	590.197.691	663.906.300	126.057.889	104.702.045
Thuế TNDN	-	232.542.400	309.830.010	383.484.064	20.147.358	176.918.296
Thuế TNCN	-	73.124.722	383.321.239	414.679.821	-	41.766.140
Các loại thuế khác	-	-	55.899.004	55.899.004	-	-
<b>Cộng</b>	<b>102.789.852</b>	<b>460.809.739</b>	<b>1.339.247.944</b>	<b>1.517.969.189</b>	<b>146.205.247</b>	<b>323.386.481</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	10.873.291.886	90.782.720	3.971.456.188	119.809.800	157.704.488	15.213.045.082
Mua sắm trong kỳ	-	-	201.612.727	-	-	201.612.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.873.291.886</b>	<b>90.782.720</b>	<b>4.173.068.915</b>	<b>119.809.800</b>	<b>157.704.488</b>	<b>15.414.657.809</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu kỳ	5.306.166.116	90.158.371	2.591.662.515	119.809.800	128.134.895	8.235.931.696
Khấu hao trong kỳ	188.209.399	624.349	152.612.199	-	19.713.061	361.159.008
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.494.375.515</b>	<b>90.782.720</b>	<b>2.744.274.714</b>	<b>119.809.800</b>	<b>147.847.956</b>	<b>8.597.090.705</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	5.567.125.770	624.349	1.379.793.673	-	29.569.593	6.977.113.386
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.378.916.371</b>	<b>-</b>	<b>1.428.794.201</b>	<b>-</b>	<b>9.856.532</b>	<b>6.817.567.104</b>

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 3.727.670.908 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 30/06/2019 là 607.045.802 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>77.700.000</b>	<b>6.545.856.872</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>77.700.000</b>	<b>77.700.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	-	6.468.156.872
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>-</b>	<b>6.468.156.872</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

(\*) Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 77.000.000 đồng.

### 17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019	01/01/2019
Dự án siêu thị sách (*)	287.846.100	287.846.100
<b>Cộng</b>	<b>287.846.100</b>	<b>287.846.100</b>

(\*) Đây là các chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự án siêu thị sách. Tuy nhiên, Dự án này đang tạm ngưng do chưa giải phóng được mặt bằng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.753.860.528	1.607.105.919
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.003.735.602	5.035.742.817
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.125.702.209	45.903.974
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	2.118.611.956
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	1.152.843.027	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.551.679.107	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	245.646.977	82.388.633
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	4.646.886.330	684.382.808
Các đối tượng khác	10.048.549.830	8.298.222.462
<b>Cộng</b>	<b>30.644.428.790</b>	<b>17.872.358.569</b>

*Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan*

<b>Công ty liên quan</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	2.118.611.956
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	6.764.800	3.780.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	371.048.618	260.929.538
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	322.645.628	339.416.728
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.760.560	41.388.732
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	245.646.977	82.388.633
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.125.702.209	45.903.974
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	241.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.753.860.528	1.607.105.919
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	46.022.000	46.022.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	39.537.960	25.347.998
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.152.843.027	-
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	253.917.260	290.085.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	408.193.340	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	1.028.339.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	4.646.886.330	684.382.808
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	828.836.061	789.978.271
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.003.735.602	5.035.742.817
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.551.679.107	-
Các đối tượng khác	62.195.640	141.142.259
<b>Cộng</b>	<b>24.112.767.420</b>	<b>11.753.854.806</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	625	1.115.948.770
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	-	853.173.133
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	1.509.797	544.985.647
Nhà sách Kiên Giang	1.290.000.000	-
Các đối tượng khác	1.057.058.607	2.427.403.882
<b>Cộng</b>	<b>2.348.569.029</b>	<b>4.941.511.432</b>

### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí bản thảo, biên tập	1.457.837.829	2.135.873.852
Chi phí hoa hồng môi giới	637.515.338	1.752.589.636
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	17.930.846	40.000.000
Chi phí vận chuyển	-	89.715.000
Chi phí phải trả lãi vay	-	984.376
Chi phí khác	210.348.384	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.323.632.397</b>	<b>4.084.162.864</b>

### 21. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	11.227.509	11.176.634
Cổ tức phải trả	4.198.500	2.963.500
Quỹ bình ổn sách giáo khoa (*)	20.000.000.000	-
Tài sản thừa chờ xử lý	18.135.720	18.135.720
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao trả cho HĐQT	-	80.000.000
Phải trả khác	165.574.378	403.997.182
<b>Cộng</b>	<b>20.242.136.107</b>	<b>559.273.036</b>

(\*) Tạm ứng ngân sách của Sở Công thương Tỉnh Đồng Nai để thực hiện chương trình bình ổn giá sách giáo khoa năm học 2018 – 2019 với số tiền 20 tỷ đồng theo Công văn số 4226/UBND-KT ngày 17/04/2019.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	472.000.000	472.000.000
<b>Cộng</b>	<b>472.000.000</b>	<b>472.000.000</b>

## 22. Vay và nợ thuê tài chính

### a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>13.531.927.000</b>	<b>9.946.068.000</b>	<b>3.585.859.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	-	13.531.927.000	9.946.068.000	3.585.859.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>112.500.000</b>	-	-	<b>112.500.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	112.500.000	-	-	112.500.000
<b>Cộng</b>	<b>112.500.000</b>	<b>13.531.927.000</b>	<b>9.946.068.000</b>	<b>3.698.359.000</b>

### b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>135.000.000</b>	-	-	<b>135.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	135.000.000	-	-	135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000</b>	-	-	<b>135.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	112.500.000			112.500.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>22.500.000</b>			<b>22.500.000</b>

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTDHM/NHCT800-CTCP SACH THIET BI VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.228.569.586</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.124.109.429</b>	<b>9.344.823.773</b>
Điều chỉnh hợp nhất		3.359.074	-	47.310.135	3.040.334
Tăng trong năm	-	-	-	44.287.735	5.186.643.553
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.107.446.407
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.231.928.660</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.215.707.299</b>	<b>10.427.061.253</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.231.928.660</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.215.707.299</b>	<b>10.427.061.253</b>
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	880.231
Tăng trong kỳ	-	-	-	49.304.371	1.498.630.390
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.930.120.645
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.231.928.660</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.265.011.670</b>	<b>6.996.451.229</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>41.370.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	10.427.061.253	9.344.823.773
Lợi nhuận sau thuế kỳ này	1.498.630.390	5.186.643.553
Điều chỉnh do hợp nhất	880.231	3.040.334
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.930.120.645	4.107.446.407
- Trích quỹ đầu tư phát triển	49.304.371	44.287.735
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.860.874	-
- Thù lao cho HĐQT, Ban KS	19.355.400	20.158.672
- Trả cổ tức cho các cổ đông (*)	4.851.600.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>6.996.451.229</b>	<b>10.427.061.253</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 64/NQ-SGD ngày 07/03/2019.

### e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 07/03/2019 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia bằng tiền của năm 2018 là 12%. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2019.

### 24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	40.615.323.085	43.084.241.745
Doanh thu bán hàng hóa	43.648.742.505	41.616.670.941
Doanh thu dịch vụ	738.545.456	687.272.729
Doanh thu khác	36.529.113	65.174.047
<b>Cộng</b>	<b>85.039.140.159</b>	<b>85.453.359.462</b>

### 25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hàng bán bị trả lại	43.607.060	213.478.596
Chiết khấu thương mại	921.285.477	899.619.459
	<b>964.892.537</b>	<b>1.113.098.055</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	33.937.818.927	35.170.939.773
Giá vốn của hàng hóa	37.485.721.523	36.166.891.441
Giá vốn hoạt động khác	6.259.000	58.557.000
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	185.688.917	(55.921.175)
<b>Cộng</b>	<b>71.615.488.367</b>	<b>71.340.467.039</b>

### 27. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	361.969.370	312.968.606
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	394.170.000	134.339.167
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	83.331.452
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	9.196.800	163.616.208
<b>Cộng</b>	<b>765.336.170</b>	<b>694.255.433</b>

### 28. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	264.539.531	689.500.108
Chi phí lãi vay	64.595.616	76.427.139
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	33.956.000
<b>Cộng</b>	<b>329.135.147</b>	<b>799.883.247</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	3.306.429.881	3.299.232.562
Chi phí vận chuyển	1.107.902.807	821.837.353
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	32.093.540	-
Các khoản khác	1.030.536.377	1.260.200.219
<b>Cộng</b>	<b>5.476.962.605</b>	<b>5.381.270.134</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.758.829.945	2.670.576.073
Khấu hao TSCĐ	109.529.771	51.270.969
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	251.493.243	305.120.009
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	35.075.310	-
Các khoản khác	1.870.339.906	1.849.441.216
<b>Cộng</b>	<b>5.025.268.175</b>	<b>4.876.408.267</b>

### 30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Truy thu và nộp phạt thuế	204.775	23.142.417
Các khoản khác	78.789.171	42.529.934
<b>Cộng</b>	<b>78.993.946</b>	<b>65.672.351</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.382.491.879	2.618.124.473
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	(99.577.835)	468.576.317
- Các khoản điều chỉnh tăng	258.292.165	517.115.484
+ Lợi thế thương mại phân bổ	65.936.680	65.936.680
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	204.775	-
+ Lỗi tại Công ty con	192.150.710	428.036.387
+ Các khoản khác	-	23.142.417
- Các khoản điều chỉnh giảm	357.870.000	48.539.167
+ Cổ tức được chia	357.870.000	48.539.167
Tổng thu nhập chịu thuế	2.282.914.044	3.086.700.790
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>309.830.010</b>	<b>526.927.980</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	309.830.010	485.242.774
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		41.685.206

### 32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.498.630.390	1.716.203.728
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(29.216.274)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS)	-	29.216.274
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	1.498.630.390	1.686.987.454
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>371</b>	<b>417</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.000.428.544	6.234.202.258
Chi phí nhân công	5.384.842.105	5.969.808.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	361.159.009	355.807.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.944.990.866	5.116.950.172
Chi phí khác bằng tiền	3.692.531.461	3.314.042.176
<b>Cộng</b>	<b>12.383.951.985</b>	<b>20.990.811.065</b>

### 34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 35. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2019</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	30.644.428.790	-	30.644.428.790
Chi phí phải trả	2.323.632.397	-	2.323.632.397
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	3.698.359.000	22.500.000	3.720.859.000
Phải trả khác	20.212.772.878	472.000.000	20.684.772.878
<b>Cộng</b>	<b>56.879.193.065</b>	<b>494.500.000</b>	<b>57.373.693.065</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	17.872.358.569	-	17.872.358.569
Chi phí phải trả	4.084.162.864	-	4.084.162.864
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	112.500.000	22.500.000	135.000.000
Phải trả khác	529.960.682	472.000.000	1.001.960.682
<b>Cộng</b>	<b>22.598.982.115</b>	<b>494.500.000</b>	<b>23.093.482.115</b>

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2019</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	14.082.554.409	-	14.082.554.409
Phải thu khách hàng	35.964.482.284	-	35.964.482.284
Đầu tư tài chính	17.574.854.817	1.681.515.076	19.256.369.893
Phải thu khác	341.340.892	-	341.340.892
<b>Cộng</b>	<b>67.963.232.402</b>	<b>1.681.515.076</b>	<b>69.644.747.478</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	26.368.087.434	-	26.368.087.434
Phải thu khách hàng	20.681.014.741	-	20.681.014.741
Đầu tư tài chính	5.185.530.423	1.780.085.001	6.965.615.424
Phải thu khác	450.200.080	-	450.200.080
<b>Cộng</b>	<b>52.684.832.678</b>	<b>1.780.085.001</b>	<b>54.464.917.679</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông CN Giáo dục	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	-	17.777.132
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	139.602.890	7.319.071.930
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	101.122.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	871.000	-
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	33.148.386	76.544.510
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	116.886.480	268.225.790
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	229.514.830	290.004.830
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.030.000	29.250.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.365.304.980	1.395.993.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.830.937.960	1.827.822.420
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	75.957.440	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	180.551.721	429.682.591
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	83.469.060	112.654.575
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	50.863.360	157.033.181
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	332.791.282	1.246.090.551
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	69.146.668	254.753.130
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	655.501.833	202.293.000
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.115.525.180	4.003.199.480
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	7.043.400	33.643.100
Tạp chí Toán tuổi thơ	1.100.225	1.100.225
Công ty CP Sách Dân Tộc	110.119.080	127.284.220
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	83.228.900	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	118.718.000	454.161.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	163.258.344	214.108.210
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	828.980.450	28.273.945.115
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.652.040	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	-	24.031.077
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.369.758.909	602.075.500
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	1.960.160.168	1.405.413.500
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	39.537.960	68.429.780
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	124.598.700	807.659.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	408.193.340	924.492.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	11.388.000	8.515.143.236
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	446.825.401	26.641.866.153
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.504.671.170	1.947.975.790
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	520.823.940	12.585.373.930
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	36.543.600	132.344.160
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	3.680.356.050	84.142.500

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	299.198.000	299.657.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	81.900.000	91.800.000

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Tổng Giám đốc**

**Từ Thanh Phụng**

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Người lập biểu**

**Đỗ Thị Ngọc Hà**